TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HS - ST
Ngày: 19/01/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Đóa – Hưu trí; Ông Nguyễn Văn Bảy – Giáo viên hưu trí.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An xét xử kín sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 94/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Văn C; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 20/6/1998; tại xã Q, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn E, xã Q, tỉnh Nghệ An; Số CCCD: 040098022878; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Họ và tên cha: Trần Văn S, sinh năm 1971; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; Vợ: Trần Thị T, sinh năm 2004 (Đã ly hôn); Con: có 02 người, con lớn nhất sinh năm 2020, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 06/01/2024 bị Công an xã S, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là Công an xã Q, tỉnh Nghệ An) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc với số tiền 1.500.000đ. Đã chấp hành xong ngày 22/01/2024; Bị cáo Trần Văn C bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 21/10/2025 đến nay tại xã Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Người bị hại: Chị Trần Thị T, sinh ngày 09/4/2004, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q (xã Q, huyện Q cũ), tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2018, Trần Văn C và chị Trần Thị T (Sinh ngày 09/4/2004, trú tại thôn T, xã Q, huyện Q (cũ) nay là xã Q, tỉnh Nghệ An) quen biết và yêu đương tình cảm với nhau. Đến tháng 08 năm 2019, Trần Văn C dẫn chị T về nhà ông Trần Văn S (địa chỉ: thôn E, xã V, huyện Q (cũ) nay thôn E, xã Q, tỉnh Nghệ An) (là bố đẻ của C) để chơi. Do không có ai ở nhà nên buổi trưa cùng ngày, khi thấy chị T nằm nghỉ tại phòng ngủ của bố mẹ mình thì C đi vào. Được một lúc thì C nảy sinh ý định quan hệ tình dục với chị T. C nói với chị T "Cho anh đi", chị

T trả lời "Không, sợ có bầu", C nói tiếp "Bầu thì cưới thôi", chị T trả lời "Ừ". Sau đó, C nằm xuống phía bên ngoài giường, chị T nằm phía trong. C nghiêng người sang hôn môi chị T, chị T hôn lại. C dùng tay phải cởi áo sơ mi màu đen của chị T ra và dùng tay xoa bóp ngực của chị T. Khoảng 02 phút sau, C cởi quần dài và quần lót của chị T ra, C dùng tay sờ vào âm hộ của chị T rồi tự cởi áo sơ mi và quần bò của mình ra. Lúc này C thực hiện hành vi quan hệ tình dục với T. Khoảng 2-3 phút sau thì C rút dương vật ra và xuất tinh ra giường. Sau đó, C lấy giấy lau vết tinh dịch rồi cả hai mặc lại quần áo và cùng nhau đi ra ngoài.

Tháng 9/2019 Trần Văn C và Trần Thị T cùng đi ra thành phố Hải Phòng làm việc và sinh sống cùng nhau. Đến tháng 11/2019, chị T có biểu hiện nôn, thai nghén, chậm kinh nên C đã đưa T về huyện Q cũ để khám thai thì phát hiện T đã mang thai khoảng hơn 03 tháng. Thấy vậy, C và T cùng thông báo với gia đình về việc này. Đến tháng 12/2019, do tại thời điểm này chị Trần Thị T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và chị T về chung sống cùng Trần Văn C tại nhà C. Ngày 25/5/2020, chị Trần Thị T sinh 01 bé trai và đặt tên là Trần Văn C1. Ngày 31/7/2021, chị T sinh 01 bé gái đặt tên là Trần Thị Bảo T1.

Ngày 15/5/2024, Trần Văn C và chị Trần Thị T đến Ủy ban nhân dân xã S, huyện Q (cũ), tỉnh Nghệ An (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Nghệ An đăng ký kết hôn. Ngày 28/4/2025, chị T làm đơm khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An) đề nghị được ly hôn và tranh chấp nuôi con với Trần Văn C. Ngày 02/6/2025, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 110/2025/QĐST-HNGĐ công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa chị Trần Thị T và Trần Văn C. Ngày 20/5/2025 Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An chuyển nguồn tin tội phạm đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Ngày 26/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An chuyển nguồn tin tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N.

Ngày 27/9/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã ra Quyết định trưng cầu giám định ADN đối với cháu Trần Văn C1.

Tại bản kết luận giám định ADN số HT635.25.25/PY-XNSH ngày 30/9/2025 của V kết luận: *Trần Văn C và cháu Trần Văn C1 có quan hệ huyết thống Cha – Con; Trần Thị T và cháu Trần Văn C1 có quan hệ huyết thống Mẹ - Con.*

Cáo trạng số 51/CT-VKSKV4, ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An đã truy tố bị cáo Trần Văn C về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 145 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi".

Đề nghị: Áp dụng điểm d, khoản 2, Điều 145; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt Trần Văn C 03 (Ba) năm tù. Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 5 năm tính từ ngày tuyên án.

Về vật chứng vụ án và tài sản liên quan: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trần Thị T không có yêu cầu gì về dân sự nên miễn xét.

Theo lời khai của Trần Văn C và chị Trần Thị T: thì ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội này, C và chị T còn nhiều lần quan hệ tình dục với nhau trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu, cả C và T không nhớ cụ thể ngày, tháng và nội dung sự việc, chị T cũng không có yêu cầu gì thêm. Vì vậy, không có cơ sở để điều tra, xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đó thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo, bị hại phù hợp với thời gian, địa điểm và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Do có quan hệ yêu đương từ trước, khoảng tháng 8/2019, tại nhà ở của ông Trần Văn S (địa chỉ: thôn E, xã Q, tỉnh Nghệ An), Trần Văn C đã có hành vi quan hệ tình dục với chị Trần Thị T (Sinh ngày 09/4/2004, trú tại thôn T, xã Q, huyện Q (cũ) nay là xã Q, tỉnh Nghệ An) làm chị T có thai. Ngày 25/5/2020, chị Trần Thị T sinh 01 (Một) bé trai và đặt tên là Trần Văn C1.

[3] Quá trình phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được mặc dù việc quan hệ tình dục là sự đồng thuận của cả hai, không bên nào ép buộc bên nào. Nhưng hành vi của bị cáo đã xâm hại đến sự phát triển bình thường về mặt tình dục đối với người chưa đủ 16 tuổi. Mục đích của bị cáo là lợi dụng sự non nớt về nhận thức của các bị hại để thỏa mãn nhu cầu tình dục của bản thân nên cần phải bị xử lý hình sự. Ngoài ra hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương.

Hành vi của bị cáo thực hiện nêu trên có đủ căn cứ kết luận Trần Văn C phạm tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" quy định tại điểm d khoản 2, Điều 145 Bộ luật hình sự như Cáo trạng quy kết là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến nhân phẩm của phụ nữ được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra. Bởi vậy, căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội cần thiết phải xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện để răn đe giáo dục người phạm tội nói riêng cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo và bị hại là vợ chồng đã ly hôn hiện nay đang nuôi con nhỏ. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện tính

khoan hồng của pháp luật. Vì vậy, xử phạt bị cáo mức như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về vật chứng vụ án và tài sản liên quan: Không.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trần Thị T không có yêu cầu gì về dân sự nên miễn xét.

[8] Theo lời khai của Trần Văn C và chị Trần Thị T: thì ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội này, C và chị T còn nhiều lần quan hệ tình dục với nhau trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu, cả C và T không nhớ cụ thể ngày, tháng và nội dung sự việc, chị T cũng không có yêu cầu gì thêm. Vì vậy, không có cơ sở để điều tra, xác minh.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, khoản 2, Điều 145, điểm s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Văn C 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án. Về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi".

Giao bị cáo Trần Văn C cho UBND xã Q, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T2; Buộc bị cáo Trần Văn C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

***Nơi nhận**:*
- VKSND khu vực 4-Nghệ An;
- Bị cáo; Bị hại;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tuấn